

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST

Ngày 07 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bạch Dương và ông Lại Quang Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/HSST-QĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Thị Đ, sinh năm 1968 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 2 Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Mỹ Đ và bà Nguyễn Thị V (Đều đã chết); có chồng Trần Đình Đ và 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Thăng; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Hải; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Công ty TNHH đầu tư Thương mại và Xây dựng T; địa chỉ: Thôn 2 Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Đ; chức vụ: Giám đốc; nơi cư trú: Thôn 2 Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, có mặt.

+ Anh Vũ Văn T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn 2 V, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, có mặt.

+ Anh Đặng Văn H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1957; nơi cư trú: Xóm 1 Do, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- *Những người làm chứng:* Anh Nguyễn Công Đ; anh Trần Ngọc G; anh Nguyễn Minh D; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút, ngày đầu tháng 6 năm 2021 có một tàu sắt màu đỏ, ký hiệu TB, trọng tải khoảng 500 đến 700 tấn đến đỗ tại bãi chứa vật liệu xây dựng của gia đình Trần Thị Đ ở sát bờ Sông Hồng thuộc Thôn 2 Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam và có 01 người đàn ông cao khoảng 1,7m, dáng người đậm, tóc cắt bình thường đi lên bờ nói chát trên tàu là xỉ than thải ra trong quá trình sản xuất không sử dụng đến nếu Đ lấy thì người này cho. Trần Thị Đ đi lên tàu nhìn thấy có nhiều bao tải chứa đựng các chất dạng bột mịn, màu xám đen có mùi khai. Mặc dù, biết đây là chất thải, khi chôn lấp sẽ có thể ảnh hưởng đến môi trường xung quanh nhưng Đ vẫn đồng ý lấy số chất thải trên để chôn lấp nâng nền ruộng. Sau đó, Trần Thị Đ thuê ông Nguyễn Trọng B cầu các bao tải từ tàu lên bờ và chỉ đạo anh Vũ Văn H điều khiển máy xúc Hyundai robex 3000LC-7A đưa toàn bộ số bao tải từ tàu lên thùng xe ô tô BKS: 90C-202... do anh Vũ Văn T điều khiển đổ vào hố ở khu vực phía đầu nhà của Trần Thị Đ. Ông B, anh H, anh T thực hiện việc vận chuyển những bao tải chứa chất thải từ 07 giờ 30 phút đến chiều tối cùng ngày thì xong và được Trần Thị Đ trả công cho anh H, ông B mỗi người 300.000 đồng, còn anh T được Đ trả lương theo tháng. Sáng ngày hôm sau, Đ chỉ đạo anh H xúc cát đổ lên thùng xe ô tô BKS: 90C-202... do anh T điều khiển đổ cát vào hố chôn lấp các bao chất thải. Khi chở được khoảng hơn 10 chuyến thì anh T nghỉ, anh H tiếp tục điều khiển máy xúc dùng gầu san gạt che kín miệng hố và anh H được Đ trả công 150.000 đồng.

Đến ngày 07/8/2021, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam phối hợp với chính quyền xã N, huyện L phát hiện tại khu vực bãi chứa vật liệu xây dựng của gia đình Trần Thị Đ có 01 bãi chôn lấp chất thải nên đã lập biên bản vụ việc và chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường thuộc khu vực bãi vật liệu của hộ gia đình Trần Thị Đ nằm trong khu vực Bến Cát thuộc thôn 1 D, xã N, huyện L có 01 đường trải đất, đá gồ ghề chạy theo hướng Đông - Tây dẫn từ đường đê Sông Hồng vào khu bãi vật liệu. Toàn bộ khu bãi được gia đình Đ xây dựng làm 04 khu gồm: Khu nhà bếp (Nhà ở cũ) ở phía Tây, khu nhà ở phía Đông, khu chăn nuôi ở phía Đông Nam nhà ở và khu cầu tàu phía Bắc nhà ở.

Trong khuôn viên khu vực bãi vật liệu tại vị trí cách góc Đông Bắc nhà ở 5,3m về phía Đông, cách vị trí góc Tây Nam khu chăn nuôi 16m về phía Bắc; cách mép cầu tàu phía Bắc 54,7m về phía Nam phát hiện nhiều gò cát san lấp sát nhau trên diện (21x7)m, vị trí này được đánh số (1). Quá trình gạt đến sát chân ở vị trí số (1) không phát hiện chất nghi chất thải chôn lấp. Tiếp giáp vị trí số (1) về phía Đông phát hiện 01 hố sâu 1,3m so với nền. Trên miệng hố được phủ 01 lớp cát san nền trên diện (18x16)m, vị trí này được đánh số (2). Gạt bỏ lớp cát san lấp trên bề mặt hố (2) phát hiện phía dưới có tổ chức chất màu xám, đen dạng cục và vón cục; các vỏ bao dạng vỏ bao tải dứa lẫn trong cát san lấp; các chất màu xám và đen lẫn với nhiều cát thành các chất màu nâu đen. Sau khi xúc các tổ chức chất màu nâu đen, xám, đen ra khỏi hố ghi nhận đáy hố này sâu hơn so với mặt hố trước khi gạt 2,4m. Quá trình khám nghiệm hiện trường, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam đã thu các mẫu vật tại vị trí số (2) để phục vụ công tác giám định.

Ngày 09/8/2021, Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Hà Nam đã phối hợp với chính quyền địa phương và những người có liên quan để xác định khối lượng chất thải tại vị trí chôn lấp của Trần Thị Đ, kết quả: Tổng trọng lượng chất thải tại vị trí chôn lấp là 503.730kg.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 máy xúc đào nhãn hiệu Huydai Robex 2C-7A; 01 xe ô tô BKS: 90C-020... kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô; Biên bản bàn giao máy xúc đào; Giấy tờ máy; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000231 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002193 (Bản photo); Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; Hợp đồng mua bán số 18052016/HH-HĐMB ngày 18/5/2021; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S và 503.730kg chất thải.

Tại Bản Kết luận giám định số 6540/C09-P4 ngày 13/9/2021, của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: *“Các mẫu chất rắn màu xám đen dạng xỉ thải trong các túi nilon ký hiệu CTR1.1, CTR1.2, CTR1.3 và CTR1.4 gửi giám định đều có các tính chất nguy hại (Tính kiềm, tính axit); các thành phần nguy hại vô cơ thấp hơn so với ngưỡng chất thải nguy hại quy định tại Bảng 1: các tính chất nguy hại; Bảng 2: các thành phần nguy hại vô cơ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (QCVN 07:2009/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường) và đều không tìm thấy các chất phải loại trừ theo Phụ lục A, Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, do đó đều không phải là chất thải nguy hại. Căn cứ theo Khoản 4, Điều 3, Nghị định số: 38/2018/NĐ-CP ngày 24/4/2021 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu thì các mẫu trên đều là chất thải rắn thông thường”*.

Tại Bản kết luận giám định số 7512/C09-P4 ngày 13/10/2021 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Các mẫu chất rắn màu xám đen dạng xỉ than trong các túi nilon ký hiệu CTR2.1, CTR2.2, CTR2.3 và CTR2.4 đựng trong thùng bìa cát tông ký hiệu CTR2 gửi giám định đều chứa nước. Hàm

lượng nước (Độ ẩm) trong các mẫu CTR2.1, CTR2.2, CTR2.3 và CTR2.4 như sau: Hàm lượng nước trong mẫu ký hiệu CTR2.1 là 0,12%; Hàm lượng nước trong mẫu ký hiệu CTR2.2 là 0,33%; Hàm lượng nước trong mẫu ký hiệu CTR2.3 là 17,96%; Hàm lượng nước trong mẫu ký hiệu CTR2.4 là 17,96%.

Ngày 11/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam có Văn bản số 1018/VPCQCSĐ gửi Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam đề nghị xác định mức độ ô nhiễm môi trường quanh vị trí chôn lấp.

Tại Văn bản số 22/TTQT-QT ngày 13/12/2021 của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam xác định: Qua kết quả quan trắc mẫu đất tại hộ gia đình bà Trần Thị Đ ở Thôn 2 Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam cho thấy các chỉ tiêu quan trắc môi trường đất tại khu vực bãi chôn lấp chất thải và khu vực cách bãi chôn lấp chất thải khoảng 50m về hướng Tây Bắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 03-MT:2015/BTNMT.

Ngày 19/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp với các lực lượng chức năng để kiểm tra, xác định độ chính xác của cân trọng tải đã cân trọng lượng số chất thải trước đó tại khu vực Trần Thị Đ chôn lấp, kết quả: Đoàn sử dụng phương pháp thể chuẩn để xác định độ chính xác của cân với khối lượng quả chuẩn là 20.000kg. Từ mức cân 40.000kg đến 50.000kg cân có sai số +80kg (Tăng). Cân trong tình trạng hoạt động bình thường.

Đối với kết quả kiểm tra, xác định độ chính xác của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam xác định cân trọng tải 100.000kg có sai số +80kg nên có căn cứ xác định trọng lượng chất thải Trần Thị Đ chôn lấp trên thực tế là $503.730\text{kg} - (16 \times 80) = 502.450\text{kg}$.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự đối với hành vi chôn, lấp chất thải của Trần Thị Đ.

Với hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 08/CT-VKS-P1 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Trần Thị Đ về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Đ phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”. Áp dụng điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 235; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; xử phạt: Trần Thị Đ 03 năm tù cho hưởng án treo; thử thách 05 năm; phạt bổ sung Trần Thị Đ từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng. Tịch thu tiêu hủy 502.450kg chất thải đã thu giữ; trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 6S và trả lại Công ty TNHH đầu tư Thương mại và Xây dựng T 01 máy xúc đào nhãn hiệu Huydai Robex 2C-7A; 01 (Một) xe ô tô, BKS: 90C-020... và các Giấy tờ kèm theo đã thu giữ.

Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa đều không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo quá khó khăn, tạo điều kiện để bị cáo được cải tạo tại địa phương và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thu giữ một máy xúc đào hiệu Hyundai robex 3000LC-7A và một xe ô tô Biển kiểm soát 90C-020... của Công ty TNHH đầu tư Thương mại và Xây dựng T nhưng không đưa Công ty TNHH đầu tư Thương mại và Xây dựng T vào tham gia tố tụng mà lại đưa cá nhân ông Trần Đình Đ vào tham gia tố tụng là chưa chính xác. Do vậy, Hội đồng xét xử bổ sung Công ty TNHH đầu tư Thương mại và Xây dựng T; đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Đ; chức vụ: Giám đốc vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Ông Nguyễn Trọng B, anh Đặng Văn H) và các nhân chứng đều vắng mặt; việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh, tính chất mức độ tội phạm

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trần Thị Đ là lao động tự do, không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động trong lĩnh vực xử lý chất thải. Đến khoảng 05 giờ 30 phút, một ngày đầu tháng 6 năm 2021, Trần Thị Đ được 01 người đàn ông không rõ lai lịch cho chất thải. Mặc dù, biết đó là chất thải, không được tự do chôn lấp, nếu chôn lấp có thể sẽ gây ô nhiễm cho diện tích đất, không khí xung quanh nhưng Đ vẫn chỉ đạo ông

Nguyễn Trọng B, anh Vũ Văn T và anh Đặng Văn H vận chuyển, chôn lấp toàn bộ 502.450 kg chất thải.

Bản thân bị cáo Trần Thị Đ có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật và gây ô nhiễm môi trường. Chứng cứ buộc tội bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận truy tố của Viện kiểm sát. Kết luận bị cáo Trần Thị Đ phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Hình sự.

Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái, gây ô nhiễm không khí xung quanh, làm tổn hại đến sức khỏe con người; bản thân bị cáo cũng thừa nhận chất thải có mùi khó chịu. Chỉ vì sự thiếu hiểu biết về chất thải, bị cáo đã thuê người vận chuyển và chôn lấp 502.450 kg chất thải trái phép. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm và áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục riêng; đồng thời, để bị cáo thấy đó là bài học cảnh tỉnh và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bố chồng được tặng thưởng Huân chương có xác nhận của chính quyền địa phương, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng; hoàn cảnh gia đình khó khăn; gia đình có công với cách mạng và bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Do vậy, không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là phù hợp với Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng; xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có công ăn việc làm ổn định được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử

không áp dụng khoản 4 Điều 235 của Bộ luật Hình sự và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Đối với ông Nguyễn Trọng B, anh Nguyễn Văn T và anh Đặng Văn H là những người đã vận chuyển, chôn lấp chất thải thuê theo sự chỉ đạo của Trần Thị Đ; quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều khai không biết những chất trong bao tải là chất thải nguy hại và bị cáo Đ không nói cho biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp pháp luật. Việc bị cáo tự ý thuê người sử dụng ô tô, máy xúc của Công ty TNHH đầu tư Thương mại và Xây dựng T do ông Trần Đình Đ (Chồng bị cáo) làm Giám đốc để chôn lấp chất thải; bản thân ông Đ không biết việc làm của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không xử lý là phù hợp. Đối với người trực tiếp cho Trần Thị Đ 502.450kg chất thải, quá trình điều tra và tại phiên tòa chưa xác định được nhân thân đối tượng. Nay đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh nếu có căn cứ xử lý theo quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không đề nghị bị cáo bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

Chiếc máy xúc đào nhãn hiệu Huydai Robex 2C-7A; xe ô tô, BKS: 90C-020...; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô; Biên bản bàn giao máy xúc đào và giấy tờ máy; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000231; Hóa đơn giá trị gia tăng 0002193 (Bản photo); Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; Hợp đồng mua bán số 18052016/HH-HĐMB ngày 18/5/2016 là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH đầu tư Thương mại và Xây dựng T và chiếc điện thoại di động Iphone 6S thu giữ của bị cáo đều không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy, trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp pháp luật. Đối với 502.450 kg chất thải rắn thông thường là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 235; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Đ phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/4/2022).

Giao bị cáo Trần Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Thị Đ.

3. Xử lý vật chứng:

- Trả lại Công ty TNHH đầu tư Thương mại và Xây dựng T. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Đ; chức vụ Giám đốc: 01 (Một) máy xúc đào nhãn hiệu Huydai Robex 2C-7A; 01 (Một) xe ô tô, BKS: 90C-020...; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô; Biên bản bàn giao máy xúc đào và giấy tờ máy; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000231; Hóa đơn giá trị gia tăng 0002193 (Bản photo); Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; Hợp đồng mua bán số 18052016/HH-HĐMB ngày 18/5/2016 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô và các Biên bản, Hóa đơn, Tờ khai và Hợp đồng mua bán hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án).

- Trả lại Trần Thị Đ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng kèm sim điện thoại.

- Tịch thu tiêu hủy 502.450kg (Năm trăm linh hai nghìn bốn trăm năm mươi kilogam) chất thải rắn thông thường.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam ngày 18/01/2022 và Biên bản giao nhận gửi giữ tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam và Ủy ban nhân dân xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam ngày 18/01/2022).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thị Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Báo cho nguyên đơn dân sự và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THAHS Tòa án tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy